

Số: 682 /BC-UBND

Nghệ An, ngày 17 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO

Công tác Cải cách hành chính tỉnh Nghệ An năm 2021, nhiệm vụ trọng tâm năm 2022

Năm 2021 là năm diễn ra bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, đây là sự kiện chính trị có ý nghĩa trọng đại của đất nước, của tỉnh nhà. Nhiệm vụ thường xuyên cũng như đột xuất được Chính phủ, Thủ tướng chính phủ, các bộ, ban, ngành Trung ương giao cho UBND tỉnh và các sở, ban, ngành khá nhiều. Bên cạnh đó, tình hình dịch bệnh Covid-19 lây lan, diễn biến phức tạp trên cả nước nói chung và tỉnh Nghệ An nói riêng đã ảnh hưởng rất lớn đến quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của các cơ quan, đơn vị ở các cấp.

Mặc dù có nhiều khó khăn, thách thức, nhưng được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, sâu sát của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh; các đồng chí lãnh đạo tỉnh cùng với sự quan tâm của lãnh đạo các sở, ban, ngành, chính quyền các cấp; sự nỗ lực, phấn đấu của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và sự tham gia tích cực của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong việc thực hiện nên công tác Cải cách hành chính của tỉnh đạt được những kết quả đáng ghi nhận, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo điều hành, xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, tuyên truyền, bố trí kinh phí cho Cải cách hành chính (CCHC)

a) Công tác chỉ đạo điều hành

Xác định tầm quan trọng của công tác CCHC, ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị chủ động triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ về công tác CCHC, trong đó chú trọng thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính theo tinh thần Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp, Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 03/12/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh và Chỉ thị số 10/2013/CT-UBND ngày 06/4/2013 của UBND tỉnh về tiếp tục tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

UBND tỉnh đã xác định rõ chủ đề năm 2021 là năm đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong công tác CCHC. Ngày 04/02/2021, UBND tỉnh đã ban



hành Chỉ thị số 08/CT-UBND về việc đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong công tác cải cách hành chính. Trong đó, xác định rõ một số nhiệm vụ trọng tâm của năm để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo¹.

Ngày 07/01/2021, UBND tỉnh ban hành Công văn số 95/UBND-TH về việc khắc phục những tồn tại hạn chế trong công tác CCHC năm 2020 và thực hiện nhiệm vụ năm 2021, đồng thời yêu cầu các sở, ngành, UBND cấp huyện ký cam kết với UBND tỉnh về thực hiện các nội dung trọng tâm liên quan đến năm đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong công tác CCHC.

Hàng Quý, 6 tháng và cuối năm, UBND tỉnh đã có báo cáo đánh giá kết quả CCHC, đánh giá nêu rõ những kết quả đạt được, chỉ ra các tồn tại, hạn chế ở các cấp, các ngành. Quý I, 6 tháng đầu năm và Quý III/2021, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản² chỉ đạo các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố, thị xã khắc phục tồn tại, hạn chế trong công tác CCHC để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ trong đó yêu cầu các nội dung cần tập trung triển khai thực hiện kịp thời các nhiệm vụ CCHC trên địa bàn tỉnh³.

Từ kết quả công bố các chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) của năm 2020, ngày 01/9/2021, UBND tỉnh ban hành Công văn số 6483/UBND-KSTT chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành, thị thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm mục tiêu cải thiện các chỉ số: Par index, Sipas, Papi trong năm 2021.

Thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, ngày 22/10/2021, UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 38/CT-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các

¹ Tiếp tục cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính; rà soát, đơn giản hóa, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính theo chỉ tiêu đề ra; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, chấn chỉnh lề lối làm việc, thái độ phục vụ và trách nhiệm trong thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đẩy mạnh, khai thác có hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo điều hành thực thi công vụ, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến...

² Công văn số 1975/UBND-TH ngày 7/4/2021, Công văn số 6109/UBND-KSTT ngày 23/8/2021, Công văn số 8168/UBND-KSTT ngày 28/10/2021

³ Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa các TTHC thuộc thẩm quyền, khắc phục các tồn tại, hạn chế về việc tác nghiệp trên hệ thống một cửa điện tử, công khai đầy đủ, đúng quy định các TTHC và kết quả giải quyết TTHC, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân thực hiện và giám sát; thực hiện nghiêm quy định xin lỗi người dân, doanh nghiệp đối với việc quá hạn trong giải quyết hồ sơ; thực hiện đầy đủ việc xử lý công việc trên phần mềm I-Office như: phê duyệt, xử lý văn bản đi đến, ký số trên văn bản đi bằng phần mềm; cập nhật thông tin đầy đủ trên cổng, trang thông tin điện tử của tỉnh, của ngành, địa phương đảm bảo đúng theo quy định. Tham mưu công bố kịp thời các TTHC, rà soát, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi bổ sung các TTHC còn bất cập, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện; xử lý dứt điểm các hồ sơ tồn đọng, giải quyết kịp thời TTHC cho tổ chức, cá nhân, thực hiện nghiêm quy định xin lỗi tổ chức, cá nhân đối với hồ sơ quá hạn giải quyết; tăng cường công tác chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra thực hiện CCHC ở các cơ quan, đơn vị, địa phương; rà soát bất cập, vướng mắc về thể chế để kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền, nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan, đơn vị, địa phương; thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. tăng cường công tác truyền thông để nâng cao số lượng hồ sơ TTHC được tiếp nhận, giải quyết qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; nâng cao hiệu quả việc tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích...

huyện, thành phố, thị xã tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhằm nâng cao hiệu quả công tác CCHC trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030.

Ngày 29/9/2021, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ban hành Quy định đánh giá, xếp hạng công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Nghệ An thay thế Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 của UBND tỉnh.

Hiện nay, UBND tỉnh đã thông qua dự thảo Chương trình CCHC nhà nước tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2030 và dự kiến ban hành trong tháng 11/2021. Ban cán sự Đảng UBND tỉnh đang trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh CCHC trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030.

b) Xây dựng các chương trình, kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính

Năm 2021, công tác xây dựng chương trình, kế hoạch CCHC của tỉnh được chủ động ban hành sớm và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả, chất lượng. Căn cứ Công văn số 6459/BNV-CCHC ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch và báo cáo cải cách hành chính định kỳ năm 2021, ngày 30/12/2020, UBND tỉnh Nghệ An ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Nghệ An năm 2021 tại Quyết định số 4879/QĐ-UBND, theo đó, kế hoạch xây dựng gồm 41 nhiệm vụ với dự kiến tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách tỉnh cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ năm 2021 trên 15 tỷ đồng. Trên cơ sở kế hoạch của UBND tỉnh, các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã đã xây dựng, triển khai thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2021 tại cơ quan, đơn vị.

Thực hiện Quyết định số 17/QĐ-BNV ngày 17/01/2021 của Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch triển khai Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 về kế hoạch triển khai xác định chỉ số CCHC tỉnh Nghệ An năm 2020. UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh tự chấm điểm; cập nhật thông tin, dữ liệu vào phần mềm xác định chỉ số CCHC và đã báo cáo Bộ Nội vụ theo yêu cầu.

Căn cứ Kế hoạch CCHC nhà nước tỉnh Nghệ An năm 2021, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ ban hành Công văn số 175/SNV-CCHC ngày 26/01/2021 về kế hoạch kiểm tra CCHC năm 2021. Theo đó, trong năm 2021 sẽ tiến hành kiểm tra CCHC tại 15 cơ quan, đơn vị. Tuy nhiên, do tập trung phục vụ công tác bầu cử và tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp nên đến nay mới triển

khai kiểm tra tại 10 đơn vị theo kế hoạch⁴, còn lại các đơn vị sẽ tiến hành kiểm tra trong thời gian tới theo Kế hoạch đề ra.

Một số ngành, địa phương đã triển khai thực hiện có chất lượng công tác kiểm tra CCHC theo kế hoạch đã xây dựng từ đầu năm⁵.

c) Công tác tuyên truyền

Xác định công tác tuyên truyền là một trong những yêu cầu quan trọng của công tác CCHC, UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo xây dựng Kế hoạch của UBND tỉnh và chỉ đạo tổ chức triển khai các nội dung trong kế hoạch tuyên truyền CCHC năm 2021 trên địa bàn tỉnh.

Ngày 23/01/2021, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 45/KH-UBND tuyên truyền cải cách hành chính nhà nước tỉnh Nghệ An năm 2021. Trên cơ sở kế hoạch của UBND tỉnh, các đơn vị, địa phương đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, trong đó, một số sở, ngành, UBND cấp huyện đã triển khai thực hiện tốt, có chất lượng công tác tuyên truyền⁶.

UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nội vụ ban hành văn bản định hướng nội dung thông tin tuyên truyền CCHC trong năm 2021 gửi các cơ quan, đơn vị tham gia Quy chế phối hợp tuyên truyền CCHC gồm Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh - Truyền hình, Báo Nghệ An. Trên cơ sở Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2021 và định hướng nội dung thông tin tuyên truyền CCHC, các cơ quan báo đài tiếp tục tập trung tuyên truyền các nội dung về CCHC, đặc biệt là việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan, đơn vị.⁷

⁴ Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giao thông Vận tải, Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông và UBND huyện Diễn Châu, UBND thị xã Cửa Lò, UBND huyện Nghĩa Đàn, UBND Thị xã Hoàng Mai.

⁵ Sở Thông tin và truyền thông kiểm tra công tác tiếp nhận và xử lý hồ sơ của công chức thuộc ngành; Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra việc xây dựng, áp dụng duy trì và cải tiến theo TCVN ISO 9001:2015; Sở Y tế kiểm tra thực hiện kỷ cương, kỷ luật hành chính, cải cách hành chính; Cục Thuế tỉnh triển khai Kế hoạch kiểm tra công tác văn thư, lưu trữ, bảo vệ bí mật nhà nước, cải cách TTHC, chuyển đổi ISO 9001:2015, Bảo hiểm xã hội tỉnh đã thành lập Đoàn kiểm tra gắn với kiểm tra cải cách TTHC, công tác tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại BHXH thị xã Cửa Lò và BHXH huyện Hưng Nguyên; Cục Hải quan tỉnh Nghệ An đã thực hiện 02 cuộc kiểm tra tại Chi cục Hải quan Cửa khẩu quốc tế Nậm Cắn và Chi cục hải quan Cửa khẩu Thanh Thủy. Thanh tra tỉnh đã thực hiện 08 cuộc thanh tra hành chính, 02 cuộc thanh tra chấp hành luật gắn với thanh tra công vụ theo kế hoạch thanh tra năm 2021; UBND thị xã Hoàng Mai tiến hành kiểm tra công tác CCHC tại xã Quỳnh Trang, UBND huyện Quế Phong kiểm tra trách nhiệm người đứng đầu trong công tác CCHC và nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa tại xã Tri Lễ; UBND huyện Tương Dương kiểm tra công tác CCHC tại các xã: Tam Quang và Mai Sơn. Thanh tra tỉnh ban hành kế hoạch thanh tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng gắn với thanh tra công vụ, trong 9 tháng đầu năm đã thực hiện 21 cuộc thanh tra hành chính; 05 cuộc thanh tra chấp hành luật gắn với thanh tra công vụ theo kế hoạch thanh tra năm 2021.

⁶ Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Xây dựng, Sở Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ban Dân tộc...; UBND các huyện: Tân Kỳ, Quỳnh Hợp, Quỳnh Châu, Đô Lương, Nghĩa Đàn, Kỳ Sơn, Con Cuông, Diễn Châu, Hưng Nguyên; thị xã Hoàng Mai, thành phố Vinh...

⁷ Hàng tháng, Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện chương trình IT - Today nhằm tuyên truyền sâu rộng cho người dân, doanh nghiệp về công tác CCHC. Công an tỉnh đã xây dựng, đăng tải hơn 30 tin, bài viết có chất lượng tuyên truyền đậm nét những kết quả đạt được trong công tác cải cách hành chính như: "Công an Nghệ An năm thứ 5 liên tiếp xếp thứ nhất về cải cách hành chính"; "Công an Nghệ An tận tình phục vụ nhân dân dịp đầu năm"...; Cục Hải quan tỉnh đã có 69 tin, bài viết đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Cục, Báo Nghệ An và 03 tin được phát sóng trên Đài PTTH Nghệ An để phản ánh các hoạt động của ngành. Văn phòng UBND tỉnh thực hiện in Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ về cơ chế một cửa, một cửa liên thông; Bảo hiểm xã hội tỉnh đã tổ chức 253 cuộc hội nghị tuyên truyền chính sách BHXH, BHYT, BHTN đồng loạt tại BHXH tỉnh và BHXH các huyện theo kế hoạch, đặc biệt là Hội nghị tại các khối, xóm, thôn, bản; Cục thuế Nghệ An phối hợp với Báo Nghệ An, Đài Phát thanh - Truyền hình Nghệ An và Đảng ủy khối Doanh nghiệp thực hiện tuyên truyền các chính sách thuế, thủ tục hành chính thuế. Tổ chức các cuộc thi trực tuyến tìm hiểu chính sách pháp luật về thuế, thủ tục hành chính thuế; UBND thành phố Vinh xây dựng 15 bài và phóng sự, 20 tin về CCHC để phát thanh truyền hình và đăng tải trên

d) *Bố trí kinh phí cho công tác CCHC*

Năm 2021, UBND tỉnh đã quan tâm bố trí nguồn kinh phí đảm bảo cho công tác CCHC. Theo kế hoạch năm 2021, dự kiến tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách tỉnh cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ năm 2021 trên 15 tỷ đồng. Trên cơ sở nhiệm vụ kế hoạch và đề xuất của các ngành, địa phương UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2465/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 cấp số kinh phí là 5 tỷ đồng từ ngân sách tỉnh để hỗ trợ cho các sở, ngành địa phương thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trong năm 2021.

Năm 2022, để tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị trong việc chủ động thực hiện nhiệm vụ, Sở Nội vụ đã ban hành Công văn số 1728/SNV-CCHC ngày 17/8/2021 hướng dẫn xây dựng dự toán kinh phí CCHC năm 2022 đề xuất hỗ trợ từ ngân sách tỉnh cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành, thị và đã tổng hợp gửi Sở Tài chính tham mưu cho các cơ quan có thẩm quyền bố trí nguồn kinh phí để hỗ trợ thực hiện năm 2022 gồm 19 tỷ đồng.

2. Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể

a) *Cải cách thể chế*

Công tác cải cách thể chế luôn được UBND tỉnh quan tâm. UBND tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo sớm ban hành các chương trình kế hoạch liên quan đến nhiệm vụ cải cách thể chế để tổ chức triển khai thực hiện, cụ thể:

UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành các Nghị quyết: Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 về bãi bỏ các Nghị quyết của HĐND tỉnh Nghệ An (bãi bỏ 21 Nghị quyết QPPL của HĐND tỉnh ban hành từ ngày 31/12/2020 trở về trước), Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 thông qua kết quả rà soát các Nghị quyết QPPL do HĐND tỉnh ban hành từ ngày 31/12/2020 trở về trước⁸.

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 29/01/2021 về thực hiện công tác pháp chế trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2021. Ban hành Quyết định 176/QĐ-UBND ngày 20/01/2021 công bố danh mục văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành hết hiệu lực thi hành toàn bộ và một phần. Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 25/01/2021 về việc kiểm tra, rà soát văn bản Quy phạm pháp luật. Kế hoạch số 63/KH-UBND tỉnh ngày 29/01/2021 về theo dõi thi hành pháp luật năm 2021. Kế hoạch số 97/KH-UBND tỉnh ngày 25/02/2021 quản lý theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2021. Ban hành Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 11/5/2021 bãi bỏ một số văn bản

bản tin Thành phố, thị xã Thái Hòa phối hợp với Đài Truyền thanh Truyền hình thị xã tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện dịch vụ công mức độ cao cho người dân... Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Nghệ An kịp thời phản ánh kết quả các hoạt động kiểm tra của Đoàn kiểm tra chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính tỉnh....

⁸ Trong đó, thông qua kết quả rà soát 172 Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành từ ngày 31 tháng 12 năm 2020 trở về trước đang còn hiệu lực thi hành, cụ thể như sau: Giữ lại 134 Nghị quyết còn hiệu lực thi hành (bao gồm 09 Nghị quyết hết hiệu lực thi hành một phần) để tiếp tục thi hành; Hết hiệu lực toàn bộ: 02 Nghị quyết; Hết hiệu lực thi hành một phần: 09 Nghị quyết; Sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ: 36 Nghị quyết.

quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành (trong đó bãi bỏ 43 Quyết định và 08 Chỉ thị).

Trong năm 2021, cấp tỉnh đã ban hành 48 văn bản QPPL phục vụ công tác quản lý nhà nước (*Phụ lục 01*). Sở Tư pháp đã góp ý 369 văn bản (59 văn bản Trung ương và 310 văn bản của tỉnh); thẩm định 80 lượt dự thảo văn bản (19 Nghị quyết, 52 Quyết định, 09 đề nghị xây dựng nghị quyết)⁹.

Các hoạt động kiểm tra cũng đã được triển khai thực hiện có hiệu quả. Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Tư pháp đã tự kiểm tra 30 văn bản QPPL do UBND tỉnh ban hành; tiếp nhận và thực hiện kiểm tra 110 văn bản QPPL do cấp huyện gửi về (phát hiện sai sót về nội dung, thẩm quyền: 06 văn bản, thể thức: 05 văn bản QPPL lấy số chung với văn bản hành chính). Kiến nghị xử lý văn bản sau kiểm tra: 06 văn bản; đã xử lý: 06¹⁰ văn bản; thành lập Đoàn kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật tại cấp huyện năm 2021, tiến hành kiểm tra tình hình ban hành văn bản QPPL tại 02 đơn vị cấp huyện: Trương Dương và Đô Lương. Qua kiểm tra, phát hiện 05 văn bản do HĐND, UBND cấp huyện ban hành có nội dung không phù hợp với quy định của pháp luật, 02 văn bản sai sót về thể thức, kỹ thuật trình bày.

b) Cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

Xác định cải cách thủ tục hành chính là một trong những điều kiện tiên quyết để cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tăng thu hút đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh trong việc giải quyết các TTHC, UBND tỉnh đã quyết liệt chỉ đạo các ngành, các cấp tập trung rà soát, tiếp tục tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố danh mục TTHC, phê duyệt quy trình điện tử, quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị. UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị đơn giản hóa thành phần hồ sơ, cắt giảm thời gian giải quyết, tăng cường giải quyết hồ sơ trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin Một cửa điện tử tỉnh. Đến ngày 10/11/2021 có 14 đơn vị là: Sở Nội vụ, Sở Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Văn hóa và Thể thao; UBND các huyện Hưng Nguyên, Quế Phong, Nam Đàn, Nghĩa Đàn, Tân Kỳ, Trương Dương; thị xã Thái Hòa, thị xã Cửa Lò, thị xã Hoàng Mai đã rà soát cắt giảm thời gian giải quyết 561 TTHC, tổng thời gian được cắt giảm là 2.687 ngày (*Phụ lục 2*). Đầu tư trang

⁹ Việc góp ý, thẩm định văn bản đảm bảo quy định, quy trình thủ tục ban hành văn bản của các sở, ngành tuân thủ theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL.

¹⁰ Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND huyện Con Cuông về bổ sung một số nội dung tại Nghị quyết số 58/2017/NQ-HĐND ngày 28/12/2017 của HĐND huyện Con Cuông về thông qua quy hoạch phát triển Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2017-2020, định hướng 2025; Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của HĐND huyện Đô Lương về việc giao UBND huyện quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công chỉ cần lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng; Nghị quyết số 78/2020/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của HĐND huyện Anh Sơn về việc kéo dài thời gian thực hiện một số cơ chế, chính sách tại Nghị quyết số 64/2015/NQ-HĐND ngày 29/12/2015 của HĐND huyện về một số cơ chế, chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Anh Sơn, giai đoạn 2016-2020...

thiết bị, tiếp tục hiện đại hóa Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã.

Hoạt động kiểm soát TTHC đã được chú trọng thực hiện. Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 29/01/2021 về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021 trên địa bàn tỉnh Nghệ An; ban hành Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 28/01/2021 ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Trong năm 2021, UBND tỉnh đã ban hành 22 Quyết định công bố với 1003 lượt thủ tục hành chính của 12¹¹ đơn vị và cập nhật kịp thời các TTHC trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Cổng Dịch vụ công Quốc gia; Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt các quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết TTHC của 12¹² đơn vị.

Sau khi có Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ, các Sở, Ngành chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh thiết lập quy trình điện tử giải quyết TTHC lên Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin Một cửa điện tử tỉnh theo quy định. Đến nay, 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh đã được các Sở, ban, ngành tham mưu xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử theo đúng quy định, đồng thời, các Sở, ban, ngành đang tiếp tục rà soát xây dựng quy trình thuộc thẩm quyền quản lý được thực hiện ở cấp huyện, cấp xã.

Việc tiếp nhận, giải quyết TTHC của các sở, ban, ngành tại Trung tâm Phục vụ hành chính công đã được kiểm soát chặt chẽ qua Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin Một cửa điện tử tỉnh đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng, đúng hẹn được người dân, doanh nghiệp đánh giá cao. Hiện tại có 18 sở, ngành chuyên môn thuộc UBND tỉnh và 03 cơ quan chuyên môn thuộc ngành dọc

¹¹ Sở Văn hóa và Thể thao (Quyết định số 4567/QĐ-UBND ngày 15/12/2020, Quyết định số 809/QĐ-UBND ngày 29/3/2021 và Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 30/6/2021); Sở Tài Nguyên và Môi trường, Ban Quản lý khu kinh tế Đông Nam (Quyết định số 4628/QĐ-UBND ngày 17/12/2020); Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 17/02/2021); Sở Du lịch (Quyết định số 550/QĐ-UBND ngày 09/3/2021); Sở Công Thương (Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 và Quyết định số 1197/QĐ-UBND ngày 15/4/2021); Sở Giáo dục và Đào tạo (Quyết định số 808/QĐ-UBND ngày 29/3/2021); Sở Tài Nguyên và Môi trường (Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 29/3/2021); Sở Y tế (Quyết định số 1945/QĐ-UBND ngày 18/6/2021); Ban quản lý KKT Đông Nam (Quyết định số 1947/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 và Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 18/6/2021); Sở Nông nghiệp và PTNT (Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 28/6/2021), Sở Y tế (Quyết định số 1945/QĐ-UBND ngày 18/6/2021); Ban Quản lý khu kinh tế Đông Nam (Quyết định số 1947/QĐ-UBND ngày 18/6/2021, Quyết định số 3239/QĐ-UBND ngày 01/9/2021, Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 18/6/2021); Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 28/6/2021); Sở Văn hóa và Thể thao (Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 30/6/2021, Quyết định số 2809/QĐ-UBND ngày 06/8/2021; Quyết định số 3694/QĐ-UBND ngày 08/10/2021); Sở Lao động - Thương binh và xã hội (Quyết định số 2575/QĐ-UBND ngày 23/7/2021); Sở Du lịch tỉnh Nghệ An (Quyết định số 2810/QĐ-UBND ngày 06/8/2021); Sở Giao thông Vận tải (Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 23/8/2021); Thanh tra tỉnh (Quyết định số 3251/QĐ-UBND ngày 06/9/2021); Sở Tư pháp (Quyết định số 3729/QĐ-UBND ngày 11/10/2021)

¹² Sở Giáo dục và Đào tạo (Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 27/1/2021), Sở Thông tin và Truyền thông (Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 08/2/2021), Sở Lao động - Thương binh và xã hội (Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 12/3/2021), Sở Văn hóa và Thể thao (Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 13/4/2021), Sở Du lịch (Quyết định số 1552/QĐ-UBND ngày 21/5/2021), Sở Lao động - Thương binh và xã hội (Quyết định số 2575/QĐ-UBND ngày 23/7/2021, Quyết định số 2719/QĐ-UBND ngày 23/8/2021); Sở Văn hóa và Thể thao (Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 23/8/2021, Quyết định số 2579 /QĐ-UBND ngày 24/7/2021); Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam (Quyết định số 1946/QĐ-UBND ngày 17/6/2021); Sở Nông nghiệp và PTNT (Quyết định số 3058/QĐ-UBND ngày 19/8/2021); Sở Thông tin và Truyền thông (Quyết định số 3312/QĐ-UBND ngày 10/9/2021); Sở Ngoại vụ (Quyết định số 3544/QĐ-UBND ngày 29/9/2021), Sở Công thương (Quyết định số 4050/QĐ-UBND ngày 30/10/2021), Sở Nội vụ (Quyết định số 4006/QĐ-UBND ngày 29/10/2021)

đóng trên địa bàn (Công an tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh và Công ty Điện lực Nghệ An) với 1.373 TTHC được tiếp nhận tại Trung tâm.

Việc tiếp nhận và giải quyết TTHC trên hệ thống Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin Một cửa điện tử tỉnh đã giúp quá trình quản lý quá trình giải quyết TTHC thống nhất, chính xác đảm bảo các yêu cầu trong quản lý, điều hành hoạt động của Trung tâm, thuận lợi cho việc tra cứu thông tin; cung cấp, mở rộng các kênh giao tiếp; các bước tiếp nhận, chuyển giao, xử lý hồ sơ tại các bộ phận nhằm minh bạch hóa công tác giải quyết TTHC, thuận lợi cho cán bộ giải quyết TTHC và tổ chức, cá nhân.

Việc công khai kết quả giải quyết TTHC trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin Một cửa điện tử đạt 100%, hồ sơ được giải quyết theo quy trình nội bộ, quy trình điện tử đã được phê duyệt.

Ở cấp huyện, các đơn vị, địa phương tiếp tục thực hiện tốt cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông để tiếp nhận và giải quyết TTHC theo quy định. Có 8 đơn vị hành chính cấp huyện có Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hiện đại¹³, có 9 đơn vị cấp huyện đã triển khai cải tạo nâng cấp bộ phận một cửa¹⁴. Ở cấp xã, toàn tỉnh có 460/460 UBND xã, phường, thị trấn duy trì hoạt động của Bộ phận Một cửa cấp xã.

Ngày 05/7/2021, UBND tỉnh đã cho phép UBND huyện Đô Lương thí điểm thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công huyện trên cơ sở nâng cấp Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện Đô Lương.

Triển khai thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 28/01/2021 của UBND tỉnh về Kế hoạch thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ, các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tiến hành đánh giá tình hình thực trạng và xây dựng Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết TTHC từ văn bản giấy (còn hiệu lực, thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị mình) sang dữ liệu điện tử để xây dựng, hình thành cơ sở dữ liệu dùng chung trên Hệ thống thông tin Một cửa điện tử tỉnh phục vụ cho công tác giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử theo quy định, dự kiến hoàn thành trước ngày 31/12/2025. Một số đơn vị đã ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Các sở, ban, ngành đã và đang triển khai các nhiệm vụ: Dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng của Chính phủ; hoàn thiện tính năng, chức năng kỹ thuật của Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin Một cửa điện tử tỉnh; số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực thì

¹³ Gồm UBND các huyện, thành, thị: Thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò, Quỳnh Lưu, Nam Đàn, Yên Thành, Nghĩa Đàn, Diễn Châu, Nghi Lộc

¹⁴ UBND các huyện: Thanh Chương, Tương Dương, Con Cuông, Đô Lương, Thái Hòa, Quỳnh Hợp, Tân Kỳ, Quế Phong và thị xã Hoàng Mai.

hành. UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tư pháp triển khai dịch vụ chứng thực bản sao điện tử tại UBND cấp huyện, UBND cấp xã để phục vụ cho việc thực hiện giao dịch thủ tục hành chính trực tuyến.

c) Cải cách tổ chức bộ máy

Thực hiện các quy định của Chính phủ, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch 682/KH-UBND ngày 28/11/2020 về việc triển khai thực Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; ban hành Hướng dẫn số 773/HD-UBND ngày 30/12/2020 về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Công văn số 553/UBND-TH ngày 29/01/2021 về việc triển khai Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 07/10/2020 về quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ ban hành Công văn số 963/SNV-TCBC ngày 19/5/2021; Công văn số 2228/SNV-TCBC ngày 18/10/2021 hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban, ngành, huyện, thành, thị thực hiện Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban cán sự Đảng UBND tỉnh báo cáo Tỉnh ủy kết quả 03 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương và 06 năm thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị (Báo cáo số 83-BC/BCS ngày 20/5/2021). Theo đó, đã đạt được một số kết quả cụ thể như: Việc phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh rõ ràng hơn; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh đã tiến hành rà soát, bổ sung, ban hành chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị theo quy định. Việc cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh cơ bản đạt kết quả tốt. Nghệ An là một trong những tỉnh nằm trong tốp đầu về tinh giản biên chế, được Bộ Nội vụ ghi nhận và đánh giá cao; về cơ bản các cơ quan, địa phương, đơn vị trong toàn tỉnh đã quán triệt sâu sắc tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết 39-NQ/TW. Đồng thời tổ chức thực hiện đạt được nhiều kết quả quan trọng như: Giảm đầu mối trung gian, đầu mối tổ chức bên trong, giảm được lãnh đạo quản lý, chuyển các đơn vị sự nghiệp sang tự chủ chi thường xuyên, giảm được số người làm việc

hưởng lương trực tiếp từ ngân sách nhà nước, giảm được đơn vị hành chính cấp xã và xóm, khối, bản.

Năm 2021, UBND tỉnh phê duyệt Đề án sáp nhập 03 Ban quản lý dự án thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn¹⁵; đã phê duyệt Đề án giải thể 02 đơn vị¹⁶. Một số sở, ban, ngành và UBND một số huyện thực hiện việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy đã được phê duyệt¹⁷.

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 Quy định quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An thay thế Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 của UBND tỉnh về ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Nghệ An.

Năm 2021, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cho 01 đơn vị (Sở Thông tin và Truyền thông). Hiện nay, đang thẩm định để ban hành Quyết định quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy cho 5 đơn vị (Thanh tra tỉnh, Sở Du lịch, Sở Tư pháp, Sở Ngoại vụ, Sở Nội vụ).

d) Cải cách chế độ công vụ, công chức

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định 27/2021/QĐ-UBND ngày 19/9/2021 bãi bỏ Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 11/7/2019 của UBND tỉnh Nghệ An về ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động, biệt phái, tổ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý.

Tiếp tục thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, trong năm 2021, đã giải quyết chế độ, chính sách cho 396 người, số tiền chi trả hơn 54,4 tỷ đồng.

¹⁵ Ban QLDA ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban QLDA Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban QLDA Bàn Mông thành Ban quản lý dự án ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

¹⁶ Quỹ bảo trì đường bộ thuộc Sở Giao thông vận tải và Trung tâm Chính hình và phục hồi chức năng thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

¹⁷ UBND huyện Tân Kỳ ban hành quyết định sáp nhập 02 trường tiểu học Nghĩa Phúc 1 và Nghĩa Phúc 3 thành Trường tiểu học Nghĩa Phúc. Công an tỉnh tiếp tục bố trí Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã đối với các xã trọng điểm phức tạp về an ninh trật tự, đã bố trí 27 Công an chính quy đảm nhiệm chức danh Trưởng, Phó Công an xã. Sở Xây dựng kiện toàn lại Thanh tra Sở, UBND tỉnh quyết định thành lập Ban quản lý Khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao vùng Bắc Trung Bộ; quyết định thành lập Ban Quản lý các dự án xây dựng công trình kết cấu hạ tầng Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An; Văn phòng UBND tham mưu xây dựng dự thảo Quy chế làm việc của UBND tỉnh Nghệ An nhiệm kỳ 2021 - 2026; UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch và quyết định thành lập 08 bệnh viện đã chiến điều trị bệnh nhân COVID-19 và đang dự thảo kế hoạch Triển khai 10.000 giường thu dung, điều trị người nhiễm vi rút SARS-CoV-2 trên địa bàn tỉnh Nghệ An; UBND thị xã Thái Hòa thành lập trường tiểu học Quang Tiến trên cơ sở sáp nhập trường tiểu học Quang Tiến và tiểu học Nghĩa Tiến, thành lập trường mầm non Long Sơn trên cơ sở sáp nhập trường mầm non Long Sơn và mầm non Nghĩa Hòa. Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, các sở, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện rà soát sắp xếp tổ chức bộ máy; tham mưu hoặc thực hiện sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo quy định như: Sở Nội vụ, Sở Du lịch, Sở Văn hóa Thể thao, Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Ngoại vụ, Đài Phát thanh- Truyền hình tỉnh; UBND các huyện Quế Phong, Nghĩa Đàn, Đô Lương.

Ngày 15/01/2021, Tỉnh uỷ ban hành Kế hoạch số 17-KH/TU về phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Nghệ An năm 2021, theo đó trong năm 2021 sẽ tổ chức 156 lớp với 17.389 người. Đến nay, đã tổ chức được 108 lớp với 10.621 người tham gia.

UBND tỉnh ban hành Hướng dẫn việc xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức hàng năm tại Công văn số 1771/UBND-TH ngày 01/4/2021. Sở Nội vụ ban hành Hướng dẫn số 1001/HD-SNV ngày 25/5/2021 hướng dẫn về tuyển dụng, tiếp nhận công chức. Theo các hướng dẫn nêu trên tạo điều kiện để thu hút nhân tài theo Nghị định 140/2017/NĐ-CP, đổi mới quy trình tuyển dụng theo hướng công khai, minh bạch.

Việc nâng lương định kỳ, nâng lương trước thời hạn được thực hiện theo quy định. Công tác luân chuyển, đề bạt, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức ở các cấp thực hiện theo các quy định hiện hành. Đã quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cho 49 cán bộ và xin chủ trương điều động cho 08 cán bộ thuộc diện quản lý của Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

Ngày 01/4/2021, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 169/KH-UBND tổ chức thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng viên chức năm 2021 và đã tổ chức thực hiện nhanh, đúng quy định. Thực hiện Kết luận số 71-KL/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về xử lý sai phạm trong công tác tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức. UBND tỉnh đã thành lập hội đồng kiểm tra, sát hạch công chức và tổ chức kỳ thi kiểm tra, sát hạch và báo cáo kết quả về Bộ Nội vụ theo quy định.

Ngày 28/01/2021, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 248/QĐ-UBND thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Tính đến thời điểm, đoàn đã tổ chức kiểm tra 04 đơn vị cấp tỉnh, 08 đơn vị cấp huyện và 15 đơn vị cấp xã. Qua kiểm tra, ngay từ đầu năm các cơ quan, đơn vị đã có quan tâm phổ biến, quán triệt, chỉ đạo đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính. Một số cơ quan, đơn vị đã ban hành văn bản cụ thể hóa quy định của cấp trên như kế hoạch thực hiện, thành lập các đoàn kiểm tra; xây dựng, ban hành, sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc, quy chế văn hóa công sở....

e) Cải cách tài chính công

Thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ đã có 100% đơn vị hành chính cấp tỉnh (41/41 đơn vị), 100% đơn vị thuộc khối đoàn thể chính trị (5/5 đơn vị); 81,6% đơn vị hành chính cấp huyện (120/147 đơn vị) và 16,5% đơn vị hành chính cấp xã (76/460 đơn vị) đã thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính theo quy định. Các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện chế độ tự chủ đã chủ động xây

dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công.

Năm 2021, các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh tiếp tục được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính theo Quyết định số 4649/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của UBND tỉnh và các Quyết định liên quan. Đến nay đã có 1.753 đơn vị (135 đơn vị cấp tỉnh và 1.618 đơn vị cấp huyện) được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính. Số đơn vị tự đảm bảo chi đầu tư và chi thường xuyên: 01 đơn vị (Bệnh viện đa khoa thành phố Vinh). Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên là 56 đơn vị (cấp tỉnh: 31 đơn vị; cấp huyện 25 đơn vị), còn lại là các đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên.

Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ: Hiện nay, Sở Khoa học và Công nghệ có 04 tổ chức Khoa học và Công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và Nghị định số 96/2010/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP của Chính phủ¹⁸.

f) Xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, các ngành, địa phương duy trì hoạt động của phần mềm VNPT-Ioffice trong việc luân chuyển, xử lý văn bản¹⁹. Tổng số tài khoản người dùng được khai báo: 16.240; tổng số tài khoản người dùng thường xuyên: 16.005; đến hết tháng 10 năm 2021, tổng số văn bản đến tiếp nhận trên hệ thống là 2.898.460 văn bản; Tổng số văn bản đi phát hành trên hệ thống là 443.752 văn bản; Tỷ lệ văn bản ký số trên phần mềm VNPT - Ioffice toàn tỉnh là 71%.

Tổng số đơn vị có công thành phần tích hợp trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh là 51 đơn vị. Trong năm 2021, các đơn vị đã tích cực sưu tầm, cập nhật các thông tin liên quan đến công tác chỉ đạo điều hành, hoạt động của lãnh đạo các cơ quan, đơn vị; tuyên truyền kết quả nổi bật trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, văn hóa, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng trong năm 2021²⁰. Năm 2021,

¹⁸ gồm 1 đơn vị sự nghiệp tự chủ chi thường xuyên (Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ), 02 đơn vị sự nghiệp tự chủ một phần chi thường xuyên (Trung tâm Thông tin Khoa học công nghệ và Tin học, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng), 01 đơn vị ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn).

¹⁹ Phần mềm quản lý văn bản và điều hành VNPT-Ioffice đã triển khai hệ thống đến Văn phòng Tỉnh Ủy Nghệ An, 5/5 Ban đảng, Văn phòng UBND tỉnh Nghệ An, HĐND tỉnh Nghệ An, Đảng Ủy khối Doanh nghiệp, 10/21 Huyện ủy, 23/23 sở, ban ngành cấp tỉnh, 21/21 UBND huyện, thành, thị, 460/460 UBND xã, phường thị trấn, 87/87 Trường THPT, 225/225 cơ quan sự nghiệp trực thuộc sở, ban ngành và UBND huyện, thành, thị, 100% các cơ sở y tế, 17 Phòng Giáo dục triển khai tới 100% các trường Mầm non, Tiểu học, THCS và một số khách hàng khác...

²⁰ Tuyên truyền kết quả Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp; tuyên truyền công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; đặc biệt tuyên truyền kịp thời công tác chỉ đạo của lãnh đạo cũng như cập nhật kịp thời các thông tin về dịch COVID-19 trên địa bàn; tuyên truyền các ngày lễ lớn của tỉnh, của đất nước;...

tổng số tin bài, văn bản các đơn vị đã cập nhật lên Cổng cấp 2 là 20.783 (tính từ ngày 22/10/2020-22/10/2021). Một số sở, ngành, địa phương thực hiện tốt việc duy trì, cung cấp thông tin lên cổng/trang thông tin của cơ quan, đơn vị²¹.

Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến với 26 điểm cầu, kết nối UBND tỉnh với UBND các huyện/thị, thành phố, Tính từ 01/01/2021 đến 30/10/2021, hệ thống phục vụ 70 cuộc họp trực tuyến từ tỉnh xuống huyện.

Năm 2021 có 96% đơn vị có sử dụng thư điện tử. Trong đó, có một số đơn vị thực hiện tốt việc sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ để trao đổi thông tin và tài liệu²². Số lượng các đơn vị có cán bộ chỉ sử dụng thư điện tử dưới 10% chiếm số lượng rất lớn (35/50). Riêng Sở Giáo dục và Đào tạo sử dụng hệ thống Email ngành giáo dục và các đơn vị trực thuộc Trung ương: Bảo hiểm xã hội, Kho bạc nhà nước, Cục thuế, Công an tỉnh, Cục Hải quan sử dụng hệ thống email ngành dọc, không sử dụng hệ thống Thư công vụ tỉnh Nghệ An.

Về cung cấp dịch vụ công trực tuyến và sử dụng Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin Một cửa điện tử tỉnh, Tính đến ngày 5/11/2021, hệ thống đã cung cấp: 1.833 dịch vụ công bao gồm 673 dịch vụ công mức độ 2; 407 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3; 753 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Trong đó đã có 20 sở, ngành cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp tỉnh gồm: 291 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3; 641 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Đối với cấp huyện, có 21/21 huyện, thành phố, thị xã cung cấp dịch vụ công trực tuyến: 98 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 82 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Tính từ ngày 05/12/2020 đến 05/11/2021, hệ thống đã tiếp nhận và xử lý 355.164 hồ sơ (trong đó có 20.559 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến, tăng 10% so với năm 2021, năm 2021 tiếp nhận trực tuyến 19.055). Một số đơn vị thực hiện tốt như: Sở Y tế, Sở Tài chính, Sở GTVT, Sở Nội vụ, Bảo hiểm xã hội, Sở Công Thương; Các huyện: Huyện Nghi Lộc, Thành phố Vinh.

Hiện toàn tỉnh có 21 sở, ban, ngành, 21 huyện, thành, thị và 100% các đơn vị sự nghiệp thuộc các sở, ngành áp dụng chữ ký số. Toàn tỉnh có trên 4.000 chứng thư số tập thể, cá nhân được cấp đưa vào sử dụng.

Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001: 2008 tiếp tục được áp dụng, duy trì thực hiện tại các đơn vị, địa phương và từng bước chuyển đổi sang phiên bản tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Toàn tỉnh có 60/60 đơn vị quyết định công bố áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001 và 49/60²³ đơn vị đã thực hiện việc chuyển đổi, áp dụng phiên bản sang ISO 9001: 2015.

²¹ Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Y Tế, Đảng ủy Khối Doanh Nghiệp, Sở Nội vụ, Sở Ngoại vụ, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài nguyên và Môi trường, Liên đoàn Lao động tỉnh, Sở TT&TT, Viện Kiểm sát, Sở Khoa học và Công nghệ,... Huyện Quỳnh Lưu, Huyện Đô Lương, Huyện Hưng Nguyên, Huyện Tân Kỳ, Huyện Diễn Châu, Huyện Quỳnh Lưu, Huyện Nghĩa Đàn, Huyện Nghi Lộc, Huyện Anh Sơn, Huyện Con Cuông, Huyện Nam Đàn, Huyện Quế Phong, Huyện Yên Thành, Huyện Quỳnh Châu, Huyện Tương Dương, Huyện Kỳ Sơn, Huyện Thanh Chương,...

²² Sở Du lịch, Sở Nội vụ, Viện kiểm sát nhân dân; Thị xã Thái Hòa, thị xã Hoàng Mai.

²³ Sở Khoa học và Công nghệ, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Chi cục Thủy sản, Chi cục Thủy lợi, Chi cục Quản lý nông lâm thú y

II. MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

Trong năm, mặc dù UBND tỉnh đã có nhiều văn bản chỉ đạo, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ CCHC, nhiều sở ngành, địa phương có giải pháp khắc phục nhưng vẫn còn những tồn tại, hạn chế:

1.1. Một số văn bản QPPL trình HĐND tỉnh và UBND tỉnh của một số sở, ngành còn chưa đúng thời gian quy định, có một số ít văn bản chất lượng tham mưu chưa đạt yêu cầu, còn phải chỉnh sửa nhiều lần.

1.2. Đối với nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng hoạt động của Bộ phận Một cửa vẫn còn một số nội dung hạn chế:

- Việc công khai các TTHC ở cấp huyện, cấp xã có những nơi thực hiện chưa kịp thời hoặc công khai chưa đầy đủ. Việc tham mưu để Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC ở một số sở còn chậm.

- Việc rà soát kiến nghị đơn giản hóa hoặc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC ở khá nhiều đơn vị chưa được quan tâm đúng mức vì vậy kết quả đạt được chưa cao, một số đơn vị chưa thực hiện.

- Việc tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến chưa hiệu quả, số lượng hồ sơ nộp và xử lý trực tuyến qua dịch vụ công còn hạn chế. Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích chưa đạt chỉ tiêu đề ra. Ở một số đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức được giao tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa và cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp giải quyết hồ sơ TTHC chưa quan tâm đến việc nhập dữ liệu xử lý hồ sơ trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin Một cửa điện tử. Vì vậy, hồ sơ tuy đã được giải quyết đúng hạn nhưng trên hệ thống phần mềm báo quá hạn. Vẫn còn tình trạng xử lý hồ sơ cho tổ chức, công dân chậm nhưng chưa thực hiện việc xin lỗi tổ chức, cá nhân theo quy định.

- Ở một số đơn vị cấp xã, cơ sở vật chất, trang thiết bị Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả chưa đáp ứng yêu cầu, cơ sở vật chất bộ phận một cửa xuống cấp nhưng chưa được đầu tư nâng cấp, quy chế hoạt động chưa sửa đổi, bổ sung kịp thời, thực hiện chưa đầy đủ. Quá trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC vẫn còn tình trạng tình trạng thừa thành phần hồ sơ không có trong quy định, còn tình trạng xử lý công việc ở một số lĩnh vực chậm thời gian quy định.

sản, Sở Ngoại vụ, Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch, Chi cục Văn thư lưu trữ, Sở Tư pháp, Thanh tra tỉnh, UBND thị xã Hoàng Mai, UBND huyện Diễn Châu, UBND huyện Nghi Đàn, UBND huyện Con Cuông, UBND thị xã Thái Hòa, UBND huyện Quế Phong, UBND thị xã Cửa Lò, UBND huyện Nghi Lộc, UBND huyện Đô Lương, Ban Tôn giáo, Chi cục chăn nuôi thú y, Sở Công Thương, Sở Giáo dục và Đào tạo, BQL khu KT Đông Nam, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, UBND huyện Quỳnh Châu, Sở Giao thông vận tải, Ban thi đua khen thưởng, Ban dân tộc, Chi cục kiểm lâm, Chi cục nuôi trồng và BVTV, chi cục an toàn VSTP, UBND huyện Anh Sơn, UBND Thành phố Vinh, UBND huyện Yên Thành, UBND huyện Tân Kỳ, UBND huyện Nam Đàn, Văn phòng UBND tỉnh, UBND huyện Hưng Nguyên.

1.3. Một số cơ quan đơn vị, việc thực hiện Đề án sắp xếp lại tổ chức bộ máy, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ công chức theo tinh thần Nghị quyết TW 6 (khóa XII) và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của UBND tỉnh đối với việc triển khai thực hiện Nghị định 107/2020/NĐ-CP và Nghị định 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ chưa kịp thời. Một số cơ quan, đơn vị thực hiện chưa đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định. Hệ thống quy chế nội bộ chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành.

1.4. Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính ở một số cơ quan, đơn vị chưa được quan tâm đúng mức, thực hiện chưa nghiêm, vẫn còn tình trạng chấp hành giờ giấc làm việc chưa tốt, còn tình trạng quên việc, chậm việc, chất lượng tham mưu không đạt yêu cầu, tinh thần thái độ phục vụ nhân dân của một số ít cán bộ, công chức có nơi chưa tốt. Trong thời điểm dịch bệnh covid-19 bùng phát, ở một số địa phương cấp xã, lãnh đạo địa phương còn lơ là, buông lỏng quản lý, dẫn đến việc bị đình chỉ công tác do để dịch bệnh lây lan.

1.5. Việc đầu tư nâng cấp hạ tầng CNTT; cập nhật tin bài, thông tin lên cổng/trang thông tin điện tử ở một số cơ quan, đơn vị chưa đáp ứng yêu cầu; vận hành, sử dụng Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh chưa hiệu quả, đặc biệt là việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3, 4; hệ thống thư điện tử công vụ trong khai thác sử dụng còn bất cập. Việc ứng dụng CNTT chưa triệt để, nhất là việc ứng dụng chữ ký số trong chỉ đạo, điều hành ở cấp xã tỷ lệ chưa cao.

2. Nguyên nhân tồn tại hạn chế

2.1. Nguyên nhân khách quan

- Tình hình dịch bệnh Covid-19 cả nước nói chung và tỉnh Nghệ An nói riêng diễn biến hết sức phức tạp, nhiều thời điểm Thành phố Vinh và một số huyện phải thực hiện cách ly trên diện rộng, ảnh hưởng đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai công tác CCHC ở các ngành, các địa phương;

- Một số văn bản của Trung ương ban hành còn chậm, thậm chí vướng mắc, gây khó khăn trong việc triển khai thực hiện. Một số thể chế về cải cách chế độ công vụ, công chức của Trung ương chưa được triển khai kịp thời;

- Nhận thức của tổ chức, cá nhân đối với việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến chưa đầy đủ hoặc vẫn còn tâm lý e ngại nên tỷ lệ hồ sơ nộp qua hình thức này còn thấp;

- Nguồn thu ngân sách địa phương còn khó khăn nên kinh phí đầu tư cho cơ sở vật chất để phục vụ công tác CCHC còn ít.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Ở một số ít cơ quan, đơn vị, người đứng đầu chính quyền các cấp có những thời điểm nhất định chưa phát huy đầy đủ trách nhiệm của mình trong

công tác CCHC, chỉ đạo chưa sâu sát và còn thiếu quyết liệt, có nơi thực hiện còn hình thức. Chưa dành nhiều thời gian cho việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác CCHC;

- Một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức nhận thức về công tác kiểm soát TTHC, về rà soát, đánh giá, đơn giản hóa TTHC, thực hiện nhiệm vụ trong giải quyết TTHC còn hạn chế;

- Công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra công vụ và xử lý vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức trong từng nội bộ cơ quan đơn vị chưa thường xuyên, chưa đầy đủ, xử lý kỷ luật cán bộ, công chức ở một số cơ quan, đơn vị chưa nghiêm;

- Một số sở, ngành và một số ít UBND cấp huyện không bố trí được công chức có trình độ CNTT để thực hiện nhiệm vụ chuyên trách về CNTT. Do đó, trong quá trình đẩy mạnh ứng dụng CNTT còn gặp khó khăn.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2022

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Tham mưu Tỉnh ủy, HĐND tỉnh tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, các cấp triển khai có hiệu quả công tác CCHC trên địa bàn tỉnh. Triển khai thực hiện Nghị quyết chuyên đề của BCH Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh CCHC trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030. Tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ trong chương trình CCHC của tỉnh giai đoạn 2022-2030;

- Lãnh đạo, chỉ đạo các sở, ngành có liên quan tham mưu kịp thời, đúng thời gian, có chất lượng các chương trình, kế hoạch liên quan công tác CCHC trong năm 2022²⁴. Đồng thời, chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ theo Kế hoạch;

- Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ CCHC, công tác tuyên truyền CCHC. Chỉ đạo kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các đơn vị, địa phương, rà soát, khắc phục những tồn tại, hạn chế sau thanh tra, kiểm tra, xử lý những trường hợp vi phạm.

2. Nhiệm vụ cải cách thể chế

- Nâng cao chất lượng tham mưu xây dựng ban hành văn bản QPPL đảm bảo chất lượng, đúng quy định của pháp luật, phù hợp thực tiễn, đúng thời gian theo Kế hoạch của UBND tỉnh;

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các văn bản QPPL của tỉnh. Tập trung ưu tiên sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật về chức năng nhiệm vụ,

²⁴ Kế hoạch CCHC nhà nước tỉnh Nghệ An năm 2022; Kế hoạch tuyên truyền CCHC nhà nước tỉnh Nghệ An năm 2022; Kế hoạch rà soát văn bản QPPL năm 2022; Kế hoạch rà soát, truyền thông TTHC tỉnh năm 2022; Kế hoạch ban hành văn bản QPPL năm 2022; Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2022.....

quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của các cơ quan hành chính nhà nước theo Nghị định Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương; Các văn bản QPPL phục vụ chỉ đạo, điều hành, các văn bản liên quan đến cơ chế chính sách phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội, thu hút đầu tư, an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh;

- Rà soát, xử lý văn bản QPPL để đảm bảo sự phù hợp với các quy định của pháp luật phục vụ cho công tác quản lý nhà nước.

3. Nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính

- Công bố kịp thời thủ tục hành chính ở các ngành, các cấp tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện. Đồng thời, phê duyệt quy trình điện tử, quy trình nội bộ trong việc giải quyết TTHC ở các ngành, các cấp. Rà soát, bãi bỏ các TTHC không cần thiết, không hợp pháp và không hợp lý; Tiếp tục chỉ đạo cải cách TTHC theo hướng đơn giản hóa, giảm thời gian, chi phí thực hiện nhất là TTHC liên quan tới người dân, doanh nghiệp tập trung một số lĩnh vực trọng tâm: Đầu tư, đất đai, xây dựng, tài nguyên môi trường, thuế, hải quan, y tế...;

- Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành mới các TTHC theo quy định. Cập nhật kịp thời thủ tục hành chính lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; Chỉ đạo các ngành, các cấp nghiêm túc thực hiện đầy đủ nội dung công khai, minh bạch tất cả các TTHC trên cổng, trang thông tin điện tử của sở, ngành, địa phương, tại nơi giao dịch và các hình thức khác;

- Công khai đầy đủ, đúng quy định các thủ tục hành chính; tiếp nhận, xử lý kịp thời phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính;

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh;

- Bố trí nguồn lực về nhân sự và ưu tiên bố trí kinh phí cho công tác CCHC, đặc biệt là kinh phí để tiếp tục nâng cấp, hiện đại hóa Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh.

4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Rà soát, kịp thời tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy của các cơ quan hành chính nhà nước theo Nghị định Chính phủ và Thông tư hướng dẫn của các bộ, ngành gắn với việc thực hiện Đề án thực hiện Nghị quyết TW 6 (khóa XII) của các cơ quan, đơn vị đã được Tỉnh ủy, UBND tỉnh phê duyệt;

- Tiếp tục chỉ đạo hoàn thiện các quy định về phân công, phân cấp, đẩy mạnh giám sát, kiểm tra, thanh tra sau phân cấp;

- Nâng cao chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước thông qua việc nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, bảo đảm sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước;

- Rà soát, đánh giá, triển khai có hiệu quả cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công; nâng cao sự hài lòng của cá nhân đối với dịch vụ do các đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp.

5. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

- Chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện các quy định về chức danh, tiêu chuẩn nghiệp vụ cán bộ, công chức, viên chức, kể cả cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý; thực hiện cơ cấu công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hợp lý gắn với vị trí việc làm từng cơ quan, đơn vị. Ban hành và chỉ đạo tổ chức triển khai bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức hàng năm để triển khai chung trong toàn tỉnh theo tinh thần Nghị định 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

- Thực hiện đúng quy định của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức theo tinh thần Nghị định 138/2020/NĐ-CP và Nghị định 115/2020/NĐ-CP; thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao theo Nghị định 140/2017/NĐ-CP;

- Thẩm định, quyết định sửa đổi bổ sung, điều chỉnh đề án vị trí việc làm cho các cơ quan, đơn vị. Bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh trong năm 2022 và các năm tiếp theo theo đề án vị trí việc làm, đảm bảo đủ số lượng, cơ cấu hợp lý, có phẩm chất đạo đức, đủ trình độ và năng lực, có tính chuyên nghiệp cao, tận tụy trong thi hành nhiệm vụ, công vụ;

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện có hiệu quả chính sách tinh giản biên chế theo tinh thần Nghị định 108/2014/NĐ-CP; Nghị định 113/2018/NĐ-CP và Nghị định 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ về tinh giản biên chế;

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan, đơn vị ở các cấp. Kịp thời xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm đạo đức công vụ;

- Tiếp tục chỉ đạo đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức chú trọng công tác bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyên môn, kỹ năng, đạo đức công vụ, các kiến thức bổ trợ khác;

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách tiền lương, đãi ngộ đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật. Khen thưởng kịp thời đối với cán bộ, công chức, viên chức nhằm tạo động lực trong hoạt động công vụ.

6. Cải cách tài chính công

- Thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức khoa học công nghệ công lập theo các quy định của Chính phủ;

- Mở rộng đối tượng và thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập ở các cấp.


7. Hiện đại hóa hành chính

- Triển khai kiến trúc chính quyền điện tử, các ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý, điều hành và thực thi công vụ, nhiệm vụ đảm bảo tính đồng bộ ở các cấp trong năm 2022;


- Tiếp tục chỉ đạo triển khai đồng bộ các ứng dụng CNTT, các dịch vụ công để nâng cao phục vụ người dân, doanh nghiệp; hoàn thiện các ứng dụng CNTT trong nội bộ các cơ quan, đơn vị;

- Khai thác có hiệu quả các ứng dụng CNTT đã triển khai như: Cổng thông tin điện tử, hệ thống giao ban trực tuyến, dịch vụ công trực tuyến, các phần mềm dùng chung của tỉnh, ứng dụng chứng thư số;

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan đơn vị chuyển đổi, duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 trong các cơ quan quản lý nhà nước.

Trên đây là báo cáo công tác CCHC của tỉnh Nghệ An năm 2021, một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2022, UBND tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh. 

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, KSTT (Nam). 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



* Lê Ngọc Hoa

Phụ lục 01
DANH MỤC

Văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh, UBND tỉnh
Nghệ An ban hành từ 10/12/2020 đến 05/11/2021
(Kèm theo Báo cáo số 682/BC-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi văn bản
I. NGHỊ QUYẾT			
1	17/2020/NQ-HĐND	13/12/2020	Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021
2	18/2020/NQ-HĐND	13/12/2020	Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 tỉnh Nghệ An
3	19/2020/NQ-HĐND	13/12/2020	Về việc kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách địa phương giai đoạn 2017 - 2020 sang năm 2021
4	20/2020/NQ-HĐND	13/12/2020	Về việc giao UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công nhóm C
5	21/2020/NQ-HĐND	13/12/2020	Quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ huyện Nam Đàn phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025
6	22/2020/NQ-HĐND	13/12/2020	Về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 19/2019-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh thông qua bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024
7	23/2020/NQ-HĐND	13/12/2020	Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố một số tuyến đường phục vụ phố đi bộ, phố đêm trên địa bàn thành phố Vinh
8	24/2020/NQ-HĐND	13/12/2020	Về một số chính sách hỗ trợ trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2021-2025
9	25/2020/NQ-HĐND	13/12/2020	Quy định một số chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2021-2025
10	26/2020/NQ-HĐND	13/12/2020	Bổ sung khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 về chính sách hỗ trợ kinh phí mua, vận hành thiết

			bị giám sát hành trình và cước phí thuê bao dịch vụ cho thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên trên địa bàn tỉnh Nghệ An
11	27/2020/NQ-HĐND	13/12/2020	Về việc đặt tên đường trên địa bàn thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
12	28/2020/NQ-HĐND	13/12/2020	Về việc đặt tên đường trên địa bàn thị trấn Tân Kỳ, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An
13	29/2020/NQ-HĐND	13/12/2020	Về một số chính sách khen thưởng các danh hiệu văn hóa trong Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025
14	30/2020/NQ-HĐND	13/12/2020	Về chính sách hỗ trợ xây dựng thiết chế văn hóa – thể thao ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2025
15	01/2021/NQ-HĐND	06/02/2021	Quy định một số mức chi phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An
16	02/2021/NQ-HĐND	15/4/2021	Quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù về tài chính-ngân sách hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội thành phố Vinh giai đoạn 2021-2025
II. QUYẾT ĐỊNH			
17	32/2020/QĐ-UBND	11/12/2020	Ban hành Quy định về nội dung, mức hỗ trợ và quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Nghệ An
18	33/2020/QĐ-UBND	15/12/2020	V/v ban hành đơn giá xây dựng nhà, công trình để xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.
19	34/2020/QĐ-UBND	17/12/2020	V/v ban hành Quy chế trật tự quản lý xây dựng trên địa bàn tỉnh Nghệ An
20	35/2020/QĐ-UBND	18/12/2020	về việc giao số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Nghệ An
21	38a/2020/QĐ-UBND	21/12/2020	Về việc ban hành mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2021

22	39/2020/QĐ-UBND	25/12/2020	Quy định cơ chế quản lý, điều hành ngân sách nhà nước năm 2021 trên địa bàn tỉnh Nghệ An
23	40/2020/QĐ-UBND	30/12/2020	Ban hành quy chế quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Nghệ An
24	01/2021/QĐ-UBND	05/01/2021	Ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.
25	02/2021/QĐ-UBND	08/01/2021	Quy chế hoạt động của Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Nghệ An.
26	03/2021/QĐ-UBND	13/01/2021	Quy định phạm vi vùng phụ cận và các trường hợp cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi khác, hành lang bảo vệ đê cấp IV, cấp V trên địa bàn tỉnh Nghệ An.
27	04/2021/QĐ-UBND	14/01/2021	Thực hiện chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Nghệ An thực hiện Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của HĐND tỉnh.
28	05/2021/QĐ-UBND	14/01/2021	Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 2 tại các Quyết định: số 44/2019/QĐ-UBND, số 49/2019/QĐ-UBND, số 51/2019/QĐ-UBND và số 54/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành bảng giá đất trên địa bàn thị xã Hoàng Mai, huyện Diễn Châu, huyện Hưng Nguyên và huyện Nghi Lộc giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024.
29	06/2021/QĐ-UBND	26/01/2021	Quy định giá thóc tính thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 2021 trên địa bàn tỉnh Nghệ An
30	07/2021/QĐ-UBND	23/4/2021	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của UBND tỉnh Nghệ An ban hành quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An
31	08/2021/QĐ-UBND	07/5/2021	Quy định nguyên tắc, tiêu chí hỗ trợ và thứ tự ưu tiên xây dựng thiết chế văn hóa-thể thao ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2025

32	09/2021/QĐ-UBND	07/5/2021	Quy định cụ thể một số nội dung thực hiện Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách khen thưởng các danh hiệu văn hóa trong phong trào “Toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hóa “trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025”
33	10/2021/QĐ-UBND	11/5/2021	Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành
34	11/2021/QĐ-UBND	20/5/2021	Ban hành quy định phân công, phân cấp và phối hợp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Nghệ An
35	12/2021/QĐ-UBND	30/6/2021	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Nghệ An
36	13/2021/QĐ-UBND	7/7/2021	Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) lĩnh vực y tế trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh
37	14/2021/QĐ-UBND	7/7/2021	Bổ sung, điều chỉnh tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh
38	15/2021/QĐ-UBND	8/7/2021	Ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An
39	16/2021/QĐ-UBND	14/7/2021	Ban hành Quy định về số lượng, quy trình xét chọn, đơn vị quản lý và chi trả phụ cấp đối với nhân viên y tế xóm, bản kiêm nhiệm công tác dân số và cộng tác viên dân số khối kiêm nhiệm công tác y tế trên địa bàn tỉnh Nghệ An
40	17/2021/QĐ-UBND	19/7/2021	Bãi bỏ Quyết định số 54/2016/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của UBND tỉnh Nghệ An về việc quy định chế độ, chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An
41	18/2021/QĐ-UBND	21/7/2021	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông Nghệ An

42	19/2021/QĐ-UBND	29/7/2021	Quy định về điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ để tách khu đất thành dự án độc lập khi giải quyết thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư dự án có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An
43	20/2021/QĐ-UBND	29/7/2021	Quy định việc rà soát, công bố, công khai danh mục, việc lấy ý kiến người dân và công khai việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước quản lý để sử dụng vào mục đích công cộng hoặc giao, cho thuê cho người sử dụng đất liền kề trên địa bàn tỉnh
44	21/2021/QĐ-UBND	4/8/2021	Quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng nhóm hoạt động sử dụng khu vực biển trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025
45	22/2021/QĐ-UBND	9/8/2021	Quy định hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động và một số đối tượng đặc thù khác gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Nghệ An
46	23/2021/QĐ-UBND	12/8/2021	Ban hành Quy định quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An
47	24/2020/QĐ-UBND	13/8/2021	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 05/01/2016 của UBND tỉnh về thành lập Chi cục Kiểm lâm trên cơ sở tổ chức lại Chi cục Lâm nghiệp và Chi cục Kiểm lâm
48	25/2021/QĐ-UBND	20/8/2021	Về tiêu chí chấm điểm và quy trình đánh giá, xếp loại công tác quản lý An toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Nghệ An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Uong

Phụ lục 02**DANH MỤC****Thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết của cơ quan, đơn vị năm 2021***(Kèm theo Báo cáo số 682/BC-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2021**của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)*

TT	Lĩnh vực	Số thủ tục	Tổng thời gian cắt giảm (ngày)	Ghi chú
A. KHÔI HUYỆN, THÀNH, THỊ				
I. UBND THỊ XÃ THÁI HÒA				
1	Lĩnh vực Lao động, TB và XH	2	4	
2	Lĩnh vực Nội vụ	11	30	
3	Lĩnh vực quản lý đô thị	1	4	
4	Lĩnh vực kinh tế	3	9	
5	Lĩnh vực Y tế	1	2	
6	Lĩnh vực GD và ĐT	9	39	
7	Lĩnh vực Tài chính - kế hoạch	8	8	
8	Văn phòng HĐND và UBND	2	4	
9	Lĩnh vực văn hóa	4	8	
II. UBND THỊ XÃ CỬA LÒ				
1	Lĩnh vực Lao động, TB và XH	5	7	
2	Lĩnh vực quản lý đô thị	4	4	
3	Lĩnh vực y tế	1	5	
4	Lĩnh vực Nội vụ	27	263	
5	Lĩnh vực Tài chính- Kế hoạch	6	22	
6	Lĩnh vực Kinh tế	19	95	
7	Lĩnh vực Tư pháp	5	13	
8	Lĩnh vực Văn hóa - Thể thao	10	54	
9	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	3	4	
10	Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường	2	10	
III. UBND HUYỆN NGHĨA ĐÀN				
1	Lĩnh vực Nội vụ	5	7	
2	Lĩnh vực Hộ tịch	5	17	
3	Lĩnh vực chứng thực	4	3	

TT	Lĩnh vực	Số thủ tục	Tổng thời gian cắt giảm (ngày)	Ghi chú
4	Lĩnh vực bồi thường Nhà nước	1	5	
5	Lĩnh vực phổ biến giáo dục pháp luật	1	2	
6	Lĩnh vực QLNN về Hội, Quỹ	7	13	
7	Lĩnh vực QLNN về TĐ-KT	4	8	
8	Lĩnh vực QLNN về Tôn giáo	3	6	
9	Lĩnh vực Lao động, TB và XH	3	10	
10	Lĩnh vực TN và MT	2	3	
11	Lĩnh vực cấp phép xây dựng	10	100	
12	Lĩnh vực hoạt động xây dựng	1	5	
13	Lĩnh vực thẩm định hồ sơ bồi thường, hỗ trợ & TĐC khi NN thu hồi đất đối với TS là công trình xây dựng, nhà ở, vật liệu kiến trúc	1	2	
14	Lĩnh vực đường thủy	6	15	
15	Lĩnh vực Văn hóa cơ sở	2	4	
16	Lĩnh vực Thư viện	3	3	
17	Lĩnh vực Gia đình	2	2	
18	Lĩnh vực TT và TT	1	2	
19	Lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch	8	19	
20	Lĩnh vực Thủy lợi	2	20	
21	Lĩnh vực Thủy sản	1	10	
22	Lĩnh vực nông nghiệp và PTNT	1	3	
23	Lĩnh vực Dân tộc	2	4	
24	Lĩnh vực GD và ĐT	9	16	
25	Lĩnh vực Y tế	1	1	
IV. UBND HUYỆN NAM ĐÀN				
1	Lĩnh vực Nội vụ	4	20	
2	Lĩnh vực Văn hóa	3	15	
3	Lĩnh vực kinh tế hạ tầng	3	6	
4	Lĩnh vực giáo dục	2	8	

TT	Lĩnh vực	Số thủ tục	Tổng thời gian cắt giảm (ngày)	Ghi chú
5	Lĩnh vực an toàn thực phẩm	1	3	
6	Lĩnh vực đăng ký kinh doanh	1	1	
V. UBND THỊ XÃ HOÀNG MAI				
1	Lĩnh vực Nội vụ	30	303	
2	Lĩnh vực LĐ, TB và XH	5	9	
3	Lĩnh vực Công thương	11	38	
4	Lĩnh vực Nông nghiệp	9	36	
5	Lĩnh vực Y tế	1	5	
6	Lĩnh vực Tư pháp	12	16	
7	Lĩnh vực VH và TT	9	25	
8	Lĩnh vực Quản lý Đô thị (Lĩnh vực đường bộ)	5	8	
9	Lĩnh vực đường thủy nội địa	7	7	
VI. UBND HUYỆN QUẾ PHONG				
1	Lĩnh vực Nội vụ	29	134	
2	Lĩnh vực Kinh tế - Hạ tầng	18	22	
3	Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường	6	13	
4	Lĩnh vực Tư pháp	11	31	
VII. UBND HUYỆN HƯNG NGUYÊN				
1	Lĩnh vực Kinh tế - Hạ tầng	1	5	
2	Lĩnh vực đất đai	3	8	
VIII. UBND HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG				
1	Lĩnh vực Nội vụ	8	15	
2	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	3	50	
IX. UBND HUYỆN TÂN KỲ				
1	Lĩnh vực Nội vụ	16	76	
2	Lĩnh vực Công Thương	22	45	
3	Lĩnh vực Lao động TB và XH	11	27	
4	Lĩnh vực Y tế	1	5	

TT	Lĩnh vực	Số thủ tục	Tổng thời gian cắt giảm (ngày)	Ghi chú
B. KHỐI SỞ, BAN, NGÀNH				
I. SỞ DU LỊCH				
1	Lĩnh vực: Lễ hành	1	2	
II. SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO				
1	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	3	30	
III. SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG				
1	Lĩnh vực khoáng sản	15	358	
IV. SỞ NỘI VỤ				
1	Lĩnh vực Thi đua khen thưởng	9	51	
2	Lĩnh vực văn thư lưu trữ	3	6 ngày 3 giờ	
3	Lĩnh vực Tôn giáo	35	64 ngày 8,5 giờ	
4	Lĩnh vực công chức, viên chức	4	110	
5	Lĩnh vực Công tác thanh niên	3	17	
6	Lĩnh vực xây dựng chính quyền	1	5	
7	Lĩnh vực Tổ chức phi Chính phủ	17	143	
8	Lĩnh vực tổ chức biên chế; vị trí việc làm	10	26	
V. SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO		19	68	
Tổng số		561	2.687	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

V. B. 2

Phụ lục 03

Biểu tổng hợp số liệu Cải cách hành chính năm 2021

*(Kèm theo Báo cáo số 68/BC-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)*

STT	Nội dung	Kết quả			Ghi chú
		Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp huyện	
1	Kế hoạch CCHC	Văn bản	26	21	
2	Số văn bản chỉ đạo, đơn đốc triển khai CCHC đã ban hành	Văn bản	541	481	
3	Kiểm tra CCHC	Lượt	123	132	
-	Số đơn vị đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	123	132	
-	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	30	111	
-	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	26	96	
4	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao				
-	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	661	572	
-	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	592	518	
-	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	5	11	
-	Số nhiệm vụ chưa hoàn thành		64	43	
5	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Đơn vị	1	3	
-	Số lượng phiếu khảo sát	Phiếu	1820	4231	
-	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp		15	19	
6	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền. Trong đó:	Văn bản	661	556	
-	Văn bản hết hiệu lực toàn bộ	Văn bản	67	109	
-	Văn bản còn hiệu lực thi hành	Văn bản	500	419	
-	Văn bản sửa đổi, bổ sung	Văn bản	47	4	
-	Văn bản bãi bỏ, huỷ bỏ	Văn bản	47	24	
7	Số VBQPPL do HĐND, UBND ban hành	Văn bản	48	126	
8	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	30	110	Số liệu Sở Tư pháp báo cáo
9	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	172		

STT	Nội dung	Kết quả			Ghi chú
		Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp huyện	
10	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	6		
11	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	6	
12	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	1003		Số liệu Văn phòng UBND tỉnh báo cáo
13	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục			
14	Số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	1.338	288	
15	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	1003		Số liệu Văn phòng UBND tỉnh báo cáo
16	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC Quốc gia	Thủ tục	937		
17	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến.	Thủ tục	937		
18	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	68		
19	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	52		
20	Tỷ lệ CBCCVV toàn tỉnh sử dụng thư điện tử công vụ trong trao đổi công việc	%	10		
21	Tỷ lệ đơn vị đã kết nối liên thông với Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung	%	100		
22	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	525		
23	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	629		
24	Tổng số hồ sơ giải quyết qua bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa.	Hồ sơ	984.980	153.697	
-	Số hồ sơ trả đúng hạn và trước hạn	Hồ sơ	924.965	145.719	
-	Số hồ sơ đang trong thời hạn giải quyết	Hồ sơ	17.514	7.302	
-	Số hồ sơ quá hạn	Hồ sơ	524	676	
-	Số hồ sơ tồn đọng	Hồ sơ	41.977	0	
25	Tổng số hồ sơ giải quyết qua bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa liên thông.	Hồ sơ	106.964	56.623	

STT	Nội dung	Kết quả			Ghi chú
		Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp huyện	
-	Số hồ sơ trả đúng hạn và trước hạn	Hồ sơ	98.160	49.989	
-	Số hồ sơ đang trong thời hạn giải quyết	Hồ sơ	8.801	6.305	
-	Số hồ sơ quá hạn	Hồ sơ	3	329	
-	Số hồ sơ tồn đọng	Hồ sơ	0	0	
26	Số công chức được tuyển dụng qua thi tuyển	Người	0	0	
27	Số công chức được tuyển dụng qua xét tuyển	Người	0	0	
28	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	34		
29	Số viên chức được tuyển dụng qua thi tuyển	Người	24	242	
30	Số viên chức được tuyển dụng qua xét tuyển	Người	102	508	
31	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	7	26	
32	Số CCVC nghỉ hưu theo chế độ Bảo hiểm XH	Người	150	327	
33	Số CCVC đã thi hành kỷ luật ở các mức theo quy định	Người	36	79	
34	Số CCVC buộc thôi việc	Người	4	4	
35	Số CCVC tham gia các khoá đào tạo, bồi dưỡng	Người	10.621		
36	Số CCVC chuyển đổi định kỳ vị trí công tác theo Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ	Người	126	399	
37	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành, UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người	46	78	
38	Số đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính toàn tỉnh	Đơn vị	626		Số liệu Sở Tài chính báo cáo
-	Số đơn vị đã thực hiện	Đơn vị	242		
-	Số đơn vị chưa thực hiện	Đơn vị	384		

STT	Nội dung	Kết quả			Ghi chú
		Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp huyện	
39	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	1		
40	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên	Đơn vị	56		
41	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên	Đơn vị	1138		
42	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên	Đơn vị	558		
43	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần	Đơn vị	2		
44	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1		Số liệu Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo
45	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị được cấp chứng thư số.	%	100		
46	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2		
47	Tỷ lệ sở, ngành, UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100		
48	Tổng số văn bản đi giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản	443.750		
49	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (<i>Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>).	%	98		
50	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	2		
51	Tổng số TTHC đã triển khai dịch vụ BCCI toàn tỉnh	TTHC	1091		
52	Tổng số TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI toàn tỉnh	TTHC	40		
53	Tổng số hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ	62.281		

STT	Nội dung	Kết quả			Ghi chú
		Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp huyện	
54	Tổng số hồ sơ TTHC trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ	300.150		
55	Tổng số cuộc họp, hội nghị, giao ban trực tuyến toàn tỉnh	Cuộc	70		
56	Tổng số đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện đã áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001/Tổng số đơn vị phải áp dụng	Đơn vị/Tổng số đơn vị	60/60		Số liệu Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo
57	Tổng số CQ cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện đã thực hiện việc chuyển đổi phiên bản từ ISO 9001:2008 sang ISO 9001:2015	Đơn vị	49/60		
58	Số CQ cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện đã thực hiện công bố ISO 9001 đúng quy định/ Tổng số đơn vị	Đơn vị/Tổng số đơn vị	60/60		
59	Số CQ cấp tỉnh, đơn vị cấp huyện thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định	Đơn vị/Tổng số đơn vị	60/60		

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Handwritten signature

Red circular stamp